

## QUAN ĐIỂM CỦA ERICH FROMM VỀ TÔN GIÁO

**Tóm tắt:** Xuất phát từ ý nghĩa của sự tồn tại người và vai trò của con người trong lịch sử - xã hội, E. Fromm nghiên cứu những đặc điểm của nền văn minh công nghiệp đã tác động và ảnh hưởng tới đời sống con người trong xã hội đó và ông chỉ ra rằng, tôn giáo có một vai trò đặc biệt quan trọng trong nền xã hội hiện đại bởi tôn giáo góp phần giúp con người giảm bớt những bất an và lo sợ trong một xã hội đầy biến động. Trong bài viết này, tác giả chỉ ra vai trò của tôn giáo trong xã hội hiện đại theo tư tưởng của E. Fromm. Từ đó chỉ ra những đóng góp và hạn chế về vấn đề này

**Từ khóa:** E. Fromm; tôn giáo; văn minh công nghiệp; chủ nghĩa tư bản.

### 1. Dẫn nhập

Erich Fromm sinh năm 1900 tại Frankfurt, Đức trong một gia đình theo Do Thái giáo. Cha ông làm nghề kinh doanh và muốn Fromm theo nghề của mình. Mẹ của ông thường xuyên bị trầm cảm nên tuổi thơ của ông không được hạnh phúc. Ông đã sớm từ bỏ tôn giáo của mình khi nhận thấy tôn giáo là nguồn gốc của các cuộc tranh giành trong xã hội. Ông học tại các trường Đại học Frankfurt và Munich và nhận bằng Tiến sĩ từ trường Đại học Heidelberg. Sau đó, ông tiếp tục theo ngành phân tâm học tại Viện Phân tâm học có uy tín ở Berlin dưới sự lãnh đạo của các nhà phân tâm học như Freud, Hanns Sachs, Theodor Reik. Sau khi theo đuổi sự nghiệp của mình như một nhà phân tâm học, ông bị phát xít Đức trục xuất vào năm 1934 và định cư tại Hoa Kỳ. Ở đây ông đã gặp rất nhiều nhà tư tưởng tị nạn tuyệt vời khác. Fromm giảng dạy

---

\* Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

Ngày nhận bài: 9/4/2019; Ngày biên tập: 18/4/2019; Duyệt đăng: 25/4/2019.

trong các trường đại học khác nhau, như: Bennington College, Columbia, Yale, New School Nghiên cứu Xã hội, Michigan State, và Đại học Autónoma de México. Năm 1962, ông trở thành giáo sư tinh thần học tại Đại học New York. Vào cuối sự nghiệp của mình, ông chuyển đến Mexico City dạy học. Ông nghiên cứu nhiều lĩnh vực từ xã hội học, nhân chủng học, đạo đức và tôn giáo, đến chính trị, và thần thoại. Ông qua đời năm 1980 tại Thụy Sĩ.

Phân tích các giai đoạn lịch sử trong tiến trình phát triển xã hội, cụ thể là sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản (xã hội hiện đại), Fromm cho rằng, xã hội hiện đại là một xã hội tha hóa, làm cho con người đánh mất bản chất của mình. Theo Fromm, nếu con người chỉ đạt được phương diện kinh tế (đời sống vật chất đầy đủ), con người sẽ rơi vào sợ hãi và âu lo. Do vậy, để sống tốt trong xã hội hiện đại, con người ngoài sự đáp ứng nhu cầu về phương diện kinh tế cần đáp ứng nhu cầu về mặt tâm lý (tinh thần). Hai phương diện này cân bằng, con người sẽ có được cảm giác yên tâm không cô đơn và lạc lõng.

Để đáp ứng nhu cầu con người về phương diện tinh thần, Fromm viện dẫn đến tôn giáo. Ông cho rằng, tâm lý tôn giáo sẽ đáp ứng được nhu cầu tâm lý con người trong xã hội hiện đại. Các tôn giáo “mang lại một cảm giác mới mẻ về tự do và độc lập, khác với cảm giác bất lực và lo lắng đang xâm chiếm lấy họ”<sup>1</sup>. Một sự thay đổi về trật tự hệ thống kinh tế tuy lớn lao nhưng vẫn không bằng những gì mà học thuyết tôn giáo làm được “bằng giáo lý của mình, tôn giáo đã đưa ra những giải pháp và đồng thời tăng cường khả năng chịu đựng của cá thể đối với một cảm giác bất an lo sợ nào khác”<sup>2</sup>.

Trong xã hội công nghiệp hiện đại, khoa học công nghệ rất phát triển như hiện nay, con người đưa ra một số giải thích mang tính chất khoa học cho các hiện tượng tín ngưỡng, giáo lý tôn giáo nhưng vẫn chưa thể đưa ra được những kết luận mang tính khoa học chứng minh giáo lý tôn giáo là sai lầm, vì thế, chưa xóa bỏ được vai trò của nó với tư cách là một sự phát triển của nền văn minh nhân loại đáp ứng phần lớn đời sống tinh thần con người trong tiến trình lịch sử - xã hội. Chúng ta vẫn phải chấp nhận một điều rằng, *tôn giáo vẫn có một vai trò to lớn đối với đời sống tinh thần, có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với*

*xã hội hiện đại*. Do vậy làm rõ vai trò của tôn giáo nói chung và của tư tưởng E. Fromm về tôn giáo nói riêng là cần thiết trong xã hội hiện đại.

## **2. Tôn giáo theo quan niệm của E. Fromm**

Theo Fromm, sự phát triển của xã hội hiện đại với nền kinh tế thị trường càng làm cho con người có cảm giác bị tách rời và sự bất lực ngày càng gia tăng. Fromm cho rằng, các liên hệ cụ thể của cá nhân này với cá nhân khác mất đi ý nghĩa nhân bản rõ rệt, chúng không còn được xem xét trên phương diện đạo đức, trong mỗi liên hệ này đã xuất hiện tính chất thủ đoạn, trong đó con người được xem như là phương tiện. Trong tất cả các quan hệ xã hội và cá nhân thống ngự quy luật thị trường,... Con người mua và bán không chỉ là hàng hóa, mà còn mua và bán chính bản thân mình, và cảm nhận mình cũng như là một loại hàng hóa.

Những cá nhân, bất kể là ai trong xã hội tư bản chủ nghĩa thì sự tác động của nền kinh tế thị trường đến với họ ở hai khía cạnh:

*Thứ nhất*, con người trong xã hội này phụ thuộc vào những quy luật của kinh tế thị trường, vào sự hưng thịnh hay trì trệ của những cải tiến kỹ thuật nằm trong tay những người sử hữu chúng;

*Thứ hai*, con người cũng như toàn thể xã hội phải phục vụ cho một mục đích cho những tầng lớp đặc quyền nhất trong xã hội.

Điều thứ hai chẳng có gì lạ, nhưng lại làm cho con người thường không nhận ra, mà chỉ biết phục vụ một cách mù quáng. “Trong bất kỳ xã hội nào, tinh thần của toàn thể nền văn hóa đều được quyết định bởi tinh thần của những tầng lớp quyền lực nhất trong xã hội đó”<sup>3</sup>. Những tầng lớp quyền lực này có tác động rất lớn đến sự hình thành phương thức kinh tế trong xã hội và như vậy họ cũng có ảnh hưởng rất nhiều đến “tính cách xã hội”. Bởi, tầng lớp này trong xã hội nắm quyền điều khiển hệ thống giáo dục, trường học, nhà thờ, báo chí, hệ thống kinh tế,... hơn nữa tầng lớp này còn có khả năng làm cho những giai cấp bên dưới thừa nhận và noi theo những chuẩn mực và đồng nhất với họ về phương diện tâm lý. Theo Fromm, “kiểu sản xuất tư bản chủ nghĩa đã biến con người thành công cụ cho những mục tiêu kinh tế vượt trên cá nhân và tăng cường sự vô nghĩa nơi cá nhân”<sup>4</sup>.

Như vậy, trong xã hội này, con người có hai vấn đề mâu thuẫn cần giải quyết: *thứ nhất*, con người trở thành kẻ nô lệ phụng sự cho những lợi ích không phải của mình; *thứ hai*, con người vẫn tin rằng bản thân mình bị thúc đẩy bởi tính tự lợi. Và để trả lời cho vấn đề này, Fromm đã viện dẫn vào những rắc rối tâm lý của vấn đề ích kỷ.

Xã hội hiện đại tạo nên con người có tính ích kỷ một cách mãnh liệt “tính ích kỷ là động cơ mãnh liệt nhất trong cách hành xử của con người, nỗi khao khát lợi ích cá nhân mạnh hơn tất cả những lý lẽ đạo đức, và con người thà chịu nhìn thấy cha hấn chết còn hơn là để mất cơ đồ của mình?”<sup>5</sup>, đồng thời tạo ra cho con người một tâm lý “Con người hiện đại tin rằng mình bị thúc đẩy bởi lợi ích cá nhân, song thực ra hấn đã dành cả cuộc đời cho những mục đích bên ngoài hấn”<sup>6</sup>. Vì thế khi tìm kiếm những lợi ích bên trong của mình, con người rất cuộc cảm thấy mình trở trối bởi cái lợi ích bên trong đó thực ra là chẳng có gì? Mà thực ra nó (con người) đang mang lại lợi ích cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Fromm coi văn hóa công nghiệp hiện đại nửa sau thế kỷ XX là văn hóa của một xã hội hoàn toàn tha hóa, từ đó sản sinh ra kiểu thị trường của tính cách xã hội làm mất đi sự định hướng những giá trị bên trong con người. Đặc điểm của một xã hội như vậy là cảm xúc giả tạo, sự thần tượng hóa, tình yêu méo mó và nhiều bệnh thần kinh liên quan đến đời sống vô nghĩa và vô hồn xuất hiện. Fromm coi sự thay đổi của quan hệ tâm lý của con người đối với mô hình kinh tế và thế giới mà con người tiếp xúc với nó, mà ý nghĩa cơ bản của nó là sự tha hóa, đây là đặc điểm cơ bản nhất của văn hóa thời đại mới.

Theo Fromm, con người sống trong tính chất thị trường này không hề biết yêu, biết căm thù, biết chia sẻ. Những cảm xúc mang tính “thời thượng” này phù hợp với kiểu cấu trúc tính cách chỉ hoàn toàn hoạt động ở cấp độ lý tính và gạt bỏ mọi thứ tình cảm, tích cực cũng như tiêu cực, bởi các tình cảm sẽ cản trở quá trình đi đến mục tiêu cơ bản của tính cách thị trường là mua bán và trao đổi. Nói chính xác hơn, những tình cảm nảy sinh sẽ cản trở sự hoạt động phù hợp với “cỗ máy khổng lồ” mà con người trong đó chỉ là một bộ phận. Trong đó con

người chỉ biết hành động theo tính cách thị trường chứ không có một phản ứng nào, loại trừ một vấn đề là làm thế nào để cá nhân thăng tiến trên con đường kinh tế. Do đó, Fromm đã đưa ra mô hình “xã hội lành mạnh”, trong đó văn hóa được định hướng một cách nhân bản, đáp ứng các nhu cầu hiện sinh của con người, mà nhu cầu đầu tiên là tình yêu vô tư. Theo Fromm, tình yêu đó là cách hiểu biết về thế giới một cách đặc thù trong lĩnh vực tư duy. Trên bình diện hoạt động, tình yêu được biểu hiện dưới dạng sáng tạo và sự tự thể hiện, ở bình diện tình cảm, là cảm giác hợp nhất với người khác và với thế giới. Fromm xem các quan hệ nảy sinh giữa cha mẹ và con cái, sự gắn bó với nhau một cách vô tư làm chuẩn mực của tình yêu, ông coi nhu cầu trong cõi rỗng sâu thẳm nhất của con người là điều quan trọng, nhu cầu này có thể được hiện thực hóa dưới dạng tình yêu cha mẹ, cũng như cảm giác thuộc về một loại văn hóa. Theo Fromm, khát vọng của con người trong phạm vi hoạt động sống của mình là hướng tới gần nhau, bản sắc riêng, tìm kiếm đối tượng sùng bái. Fromm cho rằng, trong một xã hội hiện đại, con người với tư cách một cá nhân bị “ném” vào thế giới, bị mất hút trong “đám đông cô độc” và khao khát một sự định hướng giá trị để hiểu bản thân mình, cũng là khát vọng hiểu được ý nghĩa của thực tiễn xã hội và vị trí của mình trong xã hội đó.

Theo Fromm, văn hóa, con người bắt đầu ở chính nơi tự nhiên kết thúc. Sự thực hiện hóa các nhu cầu hiện sinh (những nhu cầu trong kiểu văn hóa mới) có thể đạt được bằng con đường biến đổi hình thái một xã hội công nghiệp được điều khiển một cách máy móc, trong đó, sản xuất tối đa và nhu cầu là mục đích tự thân sang một xã hội công nghiệp nhân bản trong đó, xã hội phụ thuộc vào các mục tiêu phát triển toàn vẹn với tất cả các khả năng của nó, nhu cầu yêu và suy nghĩ luôn được xã hội quan tâm. Fromm coi những “cộng đồng xã hội” của con người như là một mô hình lý tưởng ở cấp độ tổ chức sơ khai của văn hóa. Đó là một xã hội không “vô danh” như xã hội hiện đại mà là một “cộng đồng” trong đó, mọi người đều biết nhau, quen thuộc nhau, thông cảm cho nhau, yêu thương nhau. Để có một xã hội như vậy, Fromm đi vào nghiên cứu tôn giáo một cách sâu sắc và toàn diện và xem nó như là phương diện quan trọng nhất của đời sống tinh thần

nhân loại được thể hiện trong hai tác phẩm chủ yếu của ông: *Phân tâm học và tôn giáo* và *Phân tâm học và thiên*.

Nghiên cứu về vai trò của tôn giáo, Fromm bắt đầu bằng việc đánh giá lại những tư tưởng của Freud và Jung khi nói về *vai trò của tôn giáo trong đời sống văn hóa xã hội*. Fromm không đồng ý với Freud khi Freud cho rằng, “tôn giáo là một hiện tượng loạn thần kinh tập thể gây ra bởi các tình trạng giống với tình trạng gây ra loạn thần kinh trẻ em”<sup>7</sup>. Fromm cũng không tán đồng với Jung khi Jung cho rằng, “tôn giáo là sự quan sát cẩn thận và tỉ mỉ cái mà Rudolph Otto đã khéo léo gọi là “numinosum”, nghĩa là một sự hiện hữu hoặc tác động đầy uy lực và có chủ đích không do bởi hành động độc đoán của ý muốn tạo ra. Trái lại nó chiếm hữu và điều khiển con người, và những thần dân luôn luôn là nạn nhân của nó”<sup>8</sup>.

Fromm đưa ra cách giải thích của riêng mình. Theo ông, “loạn thần kinh chức năng là một tôn giáo cá thể, cụ thể hơn, có thể gọi loạn thần kinh chức năng là dạng thoái hóa của các dạng tôn giáo thô sơ, trái ngược với các kiểu ý niệm về tôn giáo được chính thức công nhận”<sup>9</sup>. Trong cuộc sống khi một người dồn nén những năng lực của mình vào những mục đích vượt lên trên khả năng, khi bị thất bại, anh ta sẽ hướng đến những mục tiêu thấp hơn, nhưng nếu anh ta không ý thức được về thế giới và vị trí của mình trong thế giới, anh ta sẽ tạo ra một hình ảnh không thực và bám vào nó với một sự ngoan cố giống với sự ngoan cố của một người cuồng tín tin vào các tín điều của mình. Quả vậy, *con người sống không chỉ nhờ cơm bánh*, trong cuộc sống, anh ta có quyền chọn lựa các dạng tôn giáo và triết lý phù hợp, đối với anh ta là có ích hay vô bổ, tốt hơn hay xấu hơn, cao cả hơn hay tẻ nhạt hơn, tất cả điều đó là nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của anh ta mà thôi.

Fromm hiểu tôn giáo ngay từ đầu là bất cứ một hệ thống tư tưởng và hoạt động nào được chia sẻ bởi một nhóm trong đó đem lại cho những cá nhân trong nhóm một cơ cấu để họ định hướng trong cuộc sống và một mục tiêu để họ dần thân. Hiểu theo nghĩa như thế, Fromm cho rằng, “không có nền văn minh ở quá khứ nào, và có vẻ như không thể có nền văn minh trong tương lai nào, mà lại không có tôn giáo”<sup>10</sup>.

Theo ông, sự có mặt của các yếu tố tôn giáo sơ khai trong xã hội hiện đại, là một bằng chứng về sự thoái triển của con người và của cả nhân loại. Fromm xem xét lại các dạng tôn giáo trước đó trong xã hội loài người, chỉ ra sức mạnh của nó và đặc biệt là ông muốn chỉ ra sức mạnh tâm lý tôn giáo đương thời trong xã hội có thể giúp con người thoát khỏi sự tha hóa, bù đắp lại cho họ ít nhất là về mặt tâm lý.

Fromm chia tôn giáo ra thành hai loại: Tôn giáo quyền uy (tôn giáo độc đoán) và tôn giáo nhân bản. Tôn giáo quyền uy thừa nhận có một sức mạnh tối cao nào đó chỉ huy số phận con người, và điều mà làm cho tôn giáo mang tính quyền uy tức là “phải được phục tùng, tôn kính, và thờ phượng” thể hiện một quyền năng cao hơn con người. Trong tôn giáo quyền uy, “Thượng đế được cho là đáng có quyền uy tuyệt đối hoặc là đáng thông suốt mọi lẽ, nên con người bị cho là bất lực và không quan trọng. Chỉ khi nào nhận được ơn huệ hoặc giúp đỡ từ Thượng đế nhờ vào hoàn toàn phục tùng, con người mới cảm thấy mạnh mẽ”<sup>11</sup>. Ngược lại, trong tôn giáo nhân bản vấn đề của tôn giáo không còn là vấn đề Thượng đế mà là vấn đề con người, con người có địa vị trung tâm. Với các tôn giáo nhân bản, Thượng đế (nếu như có – tôn giáo nhân bản theo thuyết hữu thần), “là biểu tượng của các quyền năng của chính con người, là điều mà con người muốn thực hiện hóa trong cuộc sống của mình, mà không phải là biểu tượng của sự ép buộc và thống trị có quyền năng bên trên con người”<sup>12</sup>. Trong tôn giáo nhân bản, con người phải nhận biết sự thật về cả những hạn chế lẫn tiềm năng của bản thân, phải phát triển lòng yêu thương đối với người khác cũng như đối với bản thân mình, phải đoàn kết với mọi người, phải có nguyên tắc và tiêu chuẩn để dẫn dắt mình hướng đến những mục đích này. Mục đích của con người trong tôn giáo nhân bản là đạt đến sức mạnh tối cao (biểu tượng bằng Thượng đế) bằng con đường tự hiện thực hóa, chứ không phải bằng con đường sùng bái. Nói cách khác, Fromm giải thích “tôn giáo nhân bản” nói riêng và “tôn giáo” nói chung được hiểu theo nghĩa rộng.

Để làm giảm bớt sự căng thẳng tâm lý con người cũng như tâm lý xã hội, một trong những phương thức hữu hiệu nhất đó là thực hiện tình yêu nhân bản cả trong khuôn khổ tôn giáo lẫn bên ngoài nó. Hoàn thiện

bản thân, chống lại sự tha hóa, xây dựng một xã hội lành mạnh là mục đích của Fromm dành cho tất cả mọi người trong xã hội hữu thần cũng như vô thần. Fromm đưa ra một số tôn giáo nhân bản mang đậm chất tình yêu thương con người trong đó, như: Phật giáo, con người phải nỗ lực để sống theo đường lối phát triển năng lực của lý trí và lòng yêu thương đối với mọi người; Phật giáo Thiền tông, con người phải nắm bắt và ném trải cuộc sống, và đặt giá trị nền tảng lên trên nó. Kitô giáo nguyên thủy: Thượng đế và con người thực hiện nguyên tắc tôn trọng sự sống. Do Thái giáo khẳng định quyền tự quyết của lý trí con người, và ở quyền này Thượng đế cũng không can thiệp được.

Như vậy, trong tôn giáo nhân bản, “Thượng đế không phải là biểu tượng của quyền năng ở bên trên con người mà là biểu tượng của các quyền năng của chính con người”<sup>13</sup>. Trong khi ở tôn giáo nhân bản, Thượng đế là hình ảnh của một hình thức cao hơn của chính con người, là biểu tượng mà con người có tiềm năng trở thành, thì ở tôn giáo quyền uy, Thượng đế càng hoàn hảo bao nhiêu thì con người càng bất toàn bấy nhiêu, con người phóng chiếu những điều tốt đẹp nhất của mình lên Thượng đế và qua đó tự làm cho mình trở nên kém cỏi. Thượng đế đối với họ là hiện thân của tình yêu, sự chính trực, lý trí còn con người thì bị mất các phẩm chất này, trở nên trống rỗng và đáng thương. Những sức mạnh vốn có của con người trong tôn giáo quyền uy giờ đây rời khỏi họ, con người trở nên trống rỗng. Fromm đi tìm câu trả lời cho vấn đề làm sao để khắc phục được sự tha hóa của con người nói chung và hình thức tôn giáo mang tính tiêu cực nói riêng. Những quá trình tiêu cực trong xã hội là hậu quả của tình trạng hình thành trong các tôn giáo quyền uy. Fromm coi việc trả lời cho vấn đề này là một trong những vấn đề quan trọng mà ông tìm kiếm và nghiên cứu suốt đời mình, những câu trả lời đã được ông đưa ra trong các tác phẩm của mình.

Fromm coi tình yêu nhân bản trong các tôn giáo, như: Phật vào buổi đầu, Lão giáo, Thiền, Kitô giáo nguyên thủy, tôn giáo lý trí thời đại Cách mạng Pháp cũng như các học thuyết của Socrate và Spinoza, Marx, v.v... là những tôn giáo nhân bản. Lấy nguyên lý tình yêu nhân bản làm cốt lõi cho học thuyết của mình. Sự thực hiện hóa nguyên lý Kitô giáo: *Hãy yêu thương người đồng loại của mình như chính mình;*



Không Tử: *Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*; Tục ngữ Việt Nam: *Bầu ơi thương lấy Bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn,...*). Tình yêu nhân bản, cả trong và ngoài tôn giáo, có một sự liên quan đến luận điểm thư giãn tâm lý xã hội của Fromm. Theo ông, “về bản chất, liệu pháp phân tích tâm lý là một nỗ lực nhằm giúp bệnh nhân đạt được hoặc lấy lại khả năng yêu thương”<sup>14</sup>. Fromm so sánh sự hoạt động của cơ thể tâm lý của sự điều chỉnh cho phép cảm đoán trong tôn giáo và trong phân tâm học, khi ông xem xét hai khái niệm “tội lỗi” và “điều sai trái”, cũng như chức năng của chúng và cho rằng, không có tôn giáo nào lại không phải đương đầu với tội lỗi và những phương pháp nhận biết và chiến thắng nó. Trong những tôn giáo khác nhau, tội lỗi có quan niệm khác nhau.

Trong các tôn giáo nguyên thủy, “tội lỗi” được quan niệm như vi phạm điều cấm kỵ, và chỉ một phần không đáng kể hoặc hoàn toàn không liên quan gì đến vấn đề đạo đức. Trong các tôn giáo quyền uy, “tội lỗi” chủ yếu do, không vâng lời Thượng đế, chống lại những người có quyền thế và việc vi phạm những tiêu chuẩn về đạo đức chỉ là thứ yếu. Trong các tôn giáo nhân bản, “tội lỗi” do chống lại chính bản thân mình, và quan tòa ở đây là tiếng nói lương tâm bên trong, lương tâm không phải là luận điệu của người có quyền thế thâm nhập vào cách nhìn nhận của con người mà nó chính là lời mách bảo từ bên trong con người, là người bảo vệ tính chính trực của chúng ta, nhắc nhở chúng ta về bản thân khi chúng ta có nguy cơ đánh mất bản thân.

Sự phản ứng đối với tội lỗi tùy thuộc vào quan niệm và sự trải nghiệm đối với tội lỗi trong từng tôn giáo. Ở tôn giáo quyền uy, sự phản ứng của những người có tội là “cảm thấy mình bị hư hỏng và bất lực, là thành tâm khẩn cầu lòng khoan dung của người có quyền thế và qua đó mong được tha thứ. Cách ăn năn này là một trạng thái kinh hoàng và lo sợ”<sup>15</sup>. Sự phản ứng sẽ bớt cực đoan nếu như tôn giáo trao cho anh ta một hình thức chuộc tội mang tính nghi thức hoặc những lời xóa tội từ những người có chức sắc tôn giáo, khi đền bù tội lỗi, anh ta phụ thuộc vào người có quyền đặc xá tội. Ở tôn giáo nhân bản, phản ứng đối với tội của mình “là sự động viên tích cực để mình trở nên tốt hơn. Thậm chí một số người tin vào sự mặc khải của Kitô giáo và Do

Thái giáo còn xem tội lỗi là một điều kiện tiên quyết để đạt đến đức hạnh”<sup>16</sup>. Ở đây, sự ý thức về tội lỗi là sự tự nhận biết toàn bộ năng lực của mình và không phải là sự nếm trải tình trạng bất lực. Như vậy, sự khác nhau ở sự phản ứng của con người đối với “tội lỗi”, tức là những hành động không phù hợp với những chuẩn mực được chấp nhận trong tôn giáo này hoặc tôn giáo là khác nhau.

Vai trò của vấn đề tội lỗi trong tư tưởng của Fromm cũng không kém gì vai trò của nó trong tôn giáo. Theo Fromm, “cảm giác có tội đã áp đảo tâm trí của nhiều bệnh nhân và họ phản ứng lại bằng việc cảm thấy mình thấp hèn, đỗi bại, và – vô thức hoặc ý thức – mong muốn bị trừng phạt”<sup>17</sup>. Và thường không khó để thấy được phản ứng với tội lỗi này thường bắt nguồn từ một quyền uy khi họ nói rằng, họ sợ hãi, sợ bị phạt và thường gặp hơn là sợ không còn được những người có thẩm quyền yêu thương vì đã không vâng lời những người này – thay vì nói là mình có tội. *Chức năng tôn giáo* là giúp con người có tội ý thức được về lương tâm của chính họ và nghe tiếng nói bên trong, giúp họ hiểu rằng, những tội lỗi do mình phạm phải không phải là những hiện tượng cô lập, mà chúng có thể được giải quyết độc lập với những vấn đề đạo đức là khi thực hiện đúng nhân vị của mình trong cách cư xử và hành xử ở đời sống.

Theo Fromm, “những phản ứng mang tính quyền uy đối với tội lỗi hoặc hoàn toàn thờ ơ với vấn đề đạo đức, chúng ta sẽ thấy được một phản ứng mới tiêu biểu cho sự trải nghiệm tôn giáo nhân bản”<sup>18</sup>. Sự trải nghiệm tôn giáo đối với mỗi người trải qua các mặt sau:

*Thứ nhất*, trải nghiệm tôn giáo là sự muốn biết, sự tự hỏi, sự ý thức về ý nghĩa của cuộc sống và sự tồn tại của bản thân (nhân vị), và về vấn đề gây bối rối liên quan đến quan hệ giữa bản thân và thế giới;

*Thứ hai*, trải nghiệm tôn giáo là “mối quan tâm tối thượng”, một mối quan tâm về ý nghĩa cuộc sống, về sự nhận biết bản thân và về việc hoàn thành nhiệm vụ mà cuộc sống đặt ra cho chúng ta;

*Thứ ba*, là thái độ của tính hòa hợp không chỉ ở bản thân, không chỉ với người thân cận, mà với tất cả mọi sự sống, với tự nhiên, xã hội và với vũ trụ.

Như vậy quá trình trải nghiệm tôn giáo làm suy yếu sự phát triển phi ngã và cảm nhận sự hợp nhất với tổng thể, tức làm cho con người sống thật (đúng với lương tâm) con người của chính mình.

Fromm xem những khía cạnh nghi lễ của bệnh nhiều tâm, lẫn ý nghĩa chức năng của nó rất quan trọng trong đời sống con người. Theo ông, cùng một hành vi có thể được xem xét như một triệu chứng nhiều tâm hay một nghi lễ. Một người lúc nào cũng rửa tay, hành động ấy có thể được giải thích bằng một nguyện vọng vô thức “gột rửa” khỏi chính bản thân mình một tội lỗi nào đó, cũng có thể là một tội lỗi hiện thực hay chỉ là giả tưởng. Trong trường hợp này, trước chúng ta là một người mắc bệnh nhiều tâm, nhưng từ quan điểm của các nhà phân tâm học, còn có thể có một giả thuyết khác, đó là người này đang thực hiện một ý nghĩa khó hiểu đối với người ngoài của một tôn giáo được cá nhân hóa. Ở khía cạnh này, Fromm lưu ý đến “ảo ảnh đặc biệt tồn tại chung của mọi nghi lễ” - sự tách rời mục đích hành động khỏi nội dung.

Trong các tôn giáo, nghi lễ thực hiện chức năng lá chắn tâm lý giúp con người loại bỏ cảm giác tội lỗi. Trong thời gian nghi lễ được thực hiện, những nguyện vọng bị cấm đoán được thể hiện, điều mà trong đời sống thường ngày con người không thể làm – giống như thời gian tổ chức tục giết Totem ở thời nguyên thủy. Khi nghiên cứu chức năng tâm lý của nghi lễ, Fromm nhấn mạnh đến bản chất tượng trưng của nó, giống như thứ ngôn ngữ chúng ta tìm thấy trong giấc mơ và huyền thoại có một hình thức đặc biệt diễn tả tư tưởng và tình cảm bằng con đường tượng trưng trong cảm nghiệm, nghi lễ cũng có sự diễn đạt tượng trưng các tư tưởng và tình cảm trong hành động. Fromm cho rằng, “Tôn giáo là câu trả lời chính thức và chi tiết về sự tồn tại của con người, khi nó được chia sẻ trong ý thức và nghi lễ với người khác, thì ngay cả những tôn giáo thấp nhất cũng tạo ra cảm giác an toàn và hợp lý bằng sự đồng cảm với những người khác”<sup>19</sup>. Fromm coi những hoạt động tượng trưng được nghi lễ hóa là hợp quy luật trong xã hội, nhưng khi đó cần phải có sự phân biệt những nghi lễ về bản chất là phi lý, bệnh hoạn với những nghi lễ hợp lý chuyển tải được nguyện vọng chính đáng của con người.

Fromm coi một số hiện tượng của thực tiễn trong xã hội lúc bấy giờ vừa như các nghi lễ tôn giáo được cá thể hóa vừa như các bệnh nhiễu tâm, khi giải thích chúng là những dư sinh của các tín ngưỡng nguyên thủy kiểu như Totem giáo. Theo Fromm, khả năng của cá thể sẽ hợp lý hóa khi thực hiện được nhiệm vụ này. Bản chất của nó là nằm ở trong sự giải thích và sự biện bạch của các hiện tượng phi lý trong xã hội. Khi con người giải thích một cách lôgic về vấn đề này và mức độ thể hiện của nó chỉ ra khoảng cách đến “xã hội lành mạnh”.

Fromm cho rằng, điều nguy hiểm hiện nay được biểu hiện ra bên ngoài của tư tưởng tôn giáo nhân bản và tâm lý học phân tích nhân bản là thói sùng bái thần tượng – một hình thức phổ biến hơn cả biểu hiện của tha hóa. Một trong những biểu hiện của sự thoái lui, sự tha hóa này là bệnh sùng bái thần tượng (biến thể của Totem giáo) với các hình thức khác nhau như sự phục tùng quyền lực, sự sùng bái sức mạnh, sùng bái thành tích, sùng bái bạo lực, sùng bái thành công và sự tiện nghi,... Fromm chống lại các hình thức sùng bái này bởi ông cho rằng, trong sự tôn thờ đồ vật có sự đối lập với việc thực hiện hóa vào trong cuộc sống những nguyên tắc như trí tuệ và tình yêu. Hơn nữa, điều đáng nói không chỉ dừng lại ở sự sùng bái thần tượng này hoặc khác (ngôn từ, máy móc, quyền lực,...) mà cả về mối quan hệ đặc biệt, địa vị, “thái độ tôn sùng đồ vật, tôn sùng các khía cạnh không hoàn chỉnh của thế giới, và là sự quy phục của con người trước những đồ vật như thế, khác với thái độ mà theo đó con người hiến dâng đời mình cho việc nhận biết những nguyên tắc cao đẹp nhất của cuộc sống, những nguyên tắc của sự yêu thương và lý trí, hiến dâng đời mình cho mục đích trở thành cái mà con người có tiềm năng trở thành, đó là tạo vật được tạo ra theo hình ảnh của Thượng đế (con người hướng những giá trị tốt đẹp nhất cho con người, sự liên kết với nhau trong tình yêu, chúng ta thấy được trong tinh thần của các tôn giáo nhân bản)”<sup>20</sup>.

Fromm kêu gọi tất cả mọi người vô thần cũng như các tín đồ đấu tranh với sự tôn thờ thần tượng – kẻ thù của chính nhân loại. Theo Fromm, “ngày nay, các mối đe dọa đối với những tài sản tinh thần quý báu nhất của loài người không phải là các nam thần và nữ thần trong truyền thuyết, mà là sự sùng bái nhà nước và quyền lực, sùng bái máy

móc, tiền bạc và sự thành đạt trong nền văn hóa của chúng ta”<sup>21</sup>. Sự sùng bái này chỉ mang lại cho con người về phương diện vật chất còn phương diện đời sống tinh thần của con người bị xem nhẹ, do vậy, trong một nền văn hóa như thế, con người cảm thấy cô đơn, lo lắng và mất tự do.

Vì thế, con người trong sự tồn tại luôn mâu thuẫn với chính bên trong mình “mâu thuẫn về việc vừa tồn tại trong tự nhiên vừa biến đổi tự nhiên bởi một thực tế là anh ta ý thức được cuộc sống”<sup>22</sup>. Người nào khi trả lời cho câu hỏi này với toàn bộ con người chứ không bằng suy nghĩ và xem nó là mối quan tâm tối ưu, người đó là người sùng đạo và những hệ thống đưa ra những câu hỏi như vậy đó là những tôn giáo, ngược lại, bất kỳ người nào, nền văn hóa nào thờ ơ với câu hỏi về sự tồn tại của mình đều không trọng tín ngưỡng, điều này gần giống với xã hội phương Tây thế kỷ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Khi con người cố trốn tránh câu hỏi này bằng cách quan tâm đến tài sản, uy tín, quyền lực, sản lượng, niềm vui và cơ bản nhất là cố gắng quên đi rằng con người đang tồn tại. Trong sự tồn tại của bất cứ một nền văn hóa nào, những nội dung không phù hợp với sự cho phép của xã hội, là cái không được phép thâm nhập vào phạm vi ý thức, như vậy có hai câu hỏi mà Fromm đặt ra để trả lời cho vấn đề này. *Thứ nhất*, tại sao những nội dung này lại không phù hợp với xã hội? *Thứ hai*, tại sao con người lại sợ ý thức những nội dung bị cấm như vậy?

Với câu hỏi thứ nhất, Fromm chỉ ra phạm trù “tính cách xã hội” và cho rằng, “trong bất kỳ xã hội nào, để tồn tại, phải đóng khuôn tính cách của các thành viên theo cách mà họ muốn làm điều họ phải làm; hoạt động của họ có thể tiếp thu và thay đổi thành một việc họ cảm thấy có động lực thực hiện, hơn là thành một điều mà họ bị bắt buộc phải làm”<sup>23</sup>. Với câu hỏi thứ hai, Fromm dùng cách nói ngắn gọn hơn, “nếu anh ta không bị loạn trí thì phải liên kết với những người khác. Việc không được liên kết hoàn toàn đưa anh ta đến ranh giới của chúng mất trí”<sup>24</sup>. Do vậy, để con người có thể liên kết hoàn toàn với nhau cần phải có những đặc điểm chung nhất kéo họ lại gần nhau đó là “tâm lý tôn giáo”. Chỉ có tâm lý tôn giáo mới làm cho con người “hành động theo lương tri phụ thuộc vào mức độ anh ta vượt khỏi những giới hạn của xã hội”<sup>25</sup>.

Cuối cùng, Fromm kết luận: “Cho dù chúng ta có phải là người mộ đạo hay không, cho dù chúng ta có tin vào tính chất cần thiết của một tôn giáo mới hoặc một tôn giáo chẳng phải là tôn giáo hay không, hoặc vẫn tiếp tục giữ lại truyền thống Do Thái giáo, Kitô giáo, vì chúng ta quan tâm đến bản chất chứ không phải là hình thức, quan tâm đến sự trải nghiệm chứ không phải là ngôn từ, quan tâm đến con người chứ không phải nhà thờ, nên chúng ta có thể hợp nhất trong việc khước từ mạnh mẽ sự sùng bái thần tượng và có thể tìm được một niềm tin chung trong việc khước từ này hơn là trong bất cứ tuyên bố khẳng định nào về Thượng đế. Chắc chắn là chúng ta sẽ tìm được sự khiêm nhường và sự yêu thương trong tình huynh đệ”<sup>26</sup>.

### 3. Kết luận

Fromm đã có lý khi chỉ ra vai trò của tâm lý tôn giáo trong việc giúp cho con người thoát khỏi sự tha hóa của xã hội, bởi vì mục đích của bất kỳ tôn giáo nào cũng mong muốn đem lại cho con người Chân - Thiện - Mỹ. Fromm đưa ra vấn đề tâm lý tôn giáo nhằm giúp cho con người có một cuộc sống ổn định, hạnh phúc hơn về đời sống của mình, nhất là đối với đời sống tinh thần. Do vậy, nếu chúng ta quan tâm đến bản chất chứ không phải đến cái vỏ bề ngoài, đến cảm nghiệm cuộc sống đã trải qua chứ không phải đến những ngôi thánh đường lung linh, huyền ảo, thì chúng ta có thể hợp nhất để quyết liệt chối bỏ sự tôn thờ thần tượng trong xã hội hiện đại, biểu hiện như: sự phục tùng quyền lực, sự sùng bái sức mạnh, sùng bái thành tích, sùng bái bạo lực, sùng bái thành công và sự tiện nghi,... Chúng ta sẽ tìm thấy một niềm tin chung trong sự phủ nhận này hơn bất cứ trong mệnh đề xác quyết nào của các tôn giáo. Chắc chắn chúng ta sẽ trở nên khiêm tốn hơn và sẽ sống với nhau theo tinh thần “hãy yêu người khác như chính mình”, đây cũng chính là điều mà Fromm muốn có trong “xã hội lành mạnh” mà ông đưa ra. /.

---

#### CHÚ THÍCH:

- 1 Erich Fromm (2007), *Trốn thoát tự do*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 72.
- 2 Erich Fromm (2007), *Trốn thoát tự do*, Sđd, tr. 72.
- 3 Erich Fromm (2007), *Trốn thoát tự do*, Sđd, tr. 128.
- 4 Erich Fromm (2007), *Trốn thoát tự do*, Sđd, tr. 129.
- 5 Erich Fromm (2007), *Trốn thoát tự do*, Sđd, tr. 129.

- 6 Erich Fromm (2007), *Trốn thoát tự do*, Sđd, tr. 133.
- 7 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 21.
- 8 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 29-30.
- 9 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 45.
- 10 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 37.
- 11 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 56.
- 12 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 59.
- 13 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 75.
- 14 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 128.
- 15 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 130.
- 16 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 131.
- 17 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 133.
- 18 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 135.
- 19 Erich Fromm (2011), *Thiền và phân tâm học*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, tr. 124 .
- 20 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 173 - 174.
- 21 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Sđd, tr. 174.
- 22 Erich Fromm (2011), *Thiền và phân tâm học*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, tr. 126.
- 23 Erich Fromm (2011), *Thiền và phân tâm học*, Sđd, tr. 140.
- 24 Erich Fromm (2011), *Thiền và phân tâm học*, Sđd, tr. 141.
- 25 Erich Fromm (2011), *Thiền và phân tâm học*, Sđd, tr. 143.
- 26 Erich Fromm (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 174 - 175.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Minh Hợp (Chủ biên) (2014), *Nhân học triết học Freud và ảnh hưởng của nó đến nhân học triết học phương Tây hiện đại*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Đỗ Minh Hợp (2014), *Lịch sử triết học phương Tây*, tập 1, 2, 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Freud S. (2001), *Vật tổ và cảm ký*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Freud S. (2002), *Phân tâm học nhập môn*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Fromm E. (1969), *Phân tâm học về tình yêu*, Nxb. Nhị Nùng, Sài Gòn.
6. Fromm E. (2002), *Ngôn ngữ bị lãng quên*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
7. Fromm E. (2007), *Trốn thoát tự do*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
8. Fromm E. (2012), *Phân tâm học & tôn giáo*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
9. Fromm E. (2011), *Thiền và phân tâm học*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.

#### Abstract

#### ERICH FROMM'S VIEW ON RELIGION

Nguyen Van Que

*Da Nang University of Medical Technology and Pharmacy*

Based on the meaning of human existence and the role of human beings in history - society, E. Fromm researched the impacts of industrial civilization on human life in society and he pointed out that religion has an important role in modern society because it helps people reduce insecurity and fear in a turbulent society. This article points out the role of religion in contemporary society according to E. Fromm's thought. It also indicates the contributions and limitations on this topic.

**Keywords:** E. Fromm; religion; industrial civilization; capitalism.